

Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất: góc nhìn của Doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nguyễn Hoàng Phương
Tư vấn Chính sách và Pháp luật





Nội dung

- » Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility – EPR) là gì?
- » Các loại trách nhiệm của Nhà sản xuất trong EPR?
- » Quá trình phát triển EPR ở Việt Nam
- » Trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo Luật Bảo vệ Môi trường 2020
- » Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam
- » Một số đề xuất và khuyến nghị

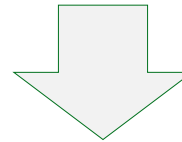
Trách nhiệm Mở rộng của Nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility - EPR) là gì?

EPR là cách tiếp cận của *chính sách Môi trường* theo đó *trách nhiệm của nhà sản xuất* một loại sản phẩm được **mở rộng tới giai đoạn thải bỏ** trong vòng đời của sản phẩm đó.

Trên thực tế, EPR yêu cầu nhà sản xuất có trách nhiệm quản lý các sản phẩm sau khi chúng trở thành rác thải, *bao gồm: thu gom; tiền xử lý như phân loại, tháo dỡ hoặc khử ô nhiễm; (để chuẩn bị cho) tái sử dụng; thu hồi (bao gồm tái chế và thu hồi năng lượng) hoặc cuối cùng thải bỏ.*

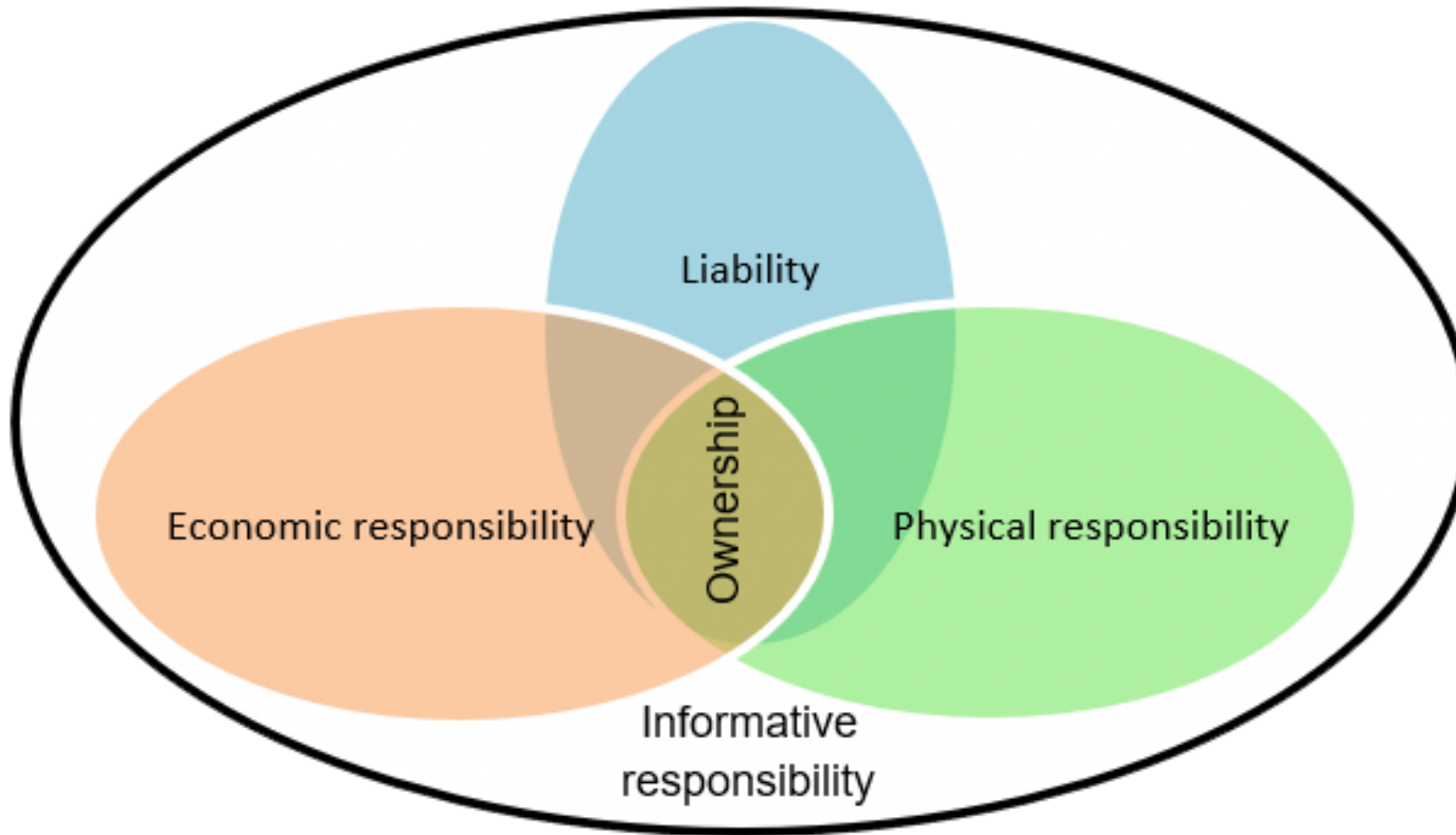
Hệ thống EPR cho phép nhà sản xuất *thực hiện trách nhiệm của mình* hoặc bằng cách cung cấp *các nguồn tài chính* cần thiết và/ hoặc bắt đầu tiếp quản *một số khía cạnh vận hành trong quy trình (quản lý chất thải rắn – người dịch)* từ các đô thị. Trách nhiệm có thể là *tự nguyện hoặc bắt buộc*; Hệ thống EPR có thể được thực hiện *riêng lẻ hoặc theo nhóm/ tập thể.*

UNEP. Draft practical manual on Extended Producer Responsibility. 1–19 (2019).



- Chuyển giao gánh nặng tài chính của quản lý giai đoạn kết thúc vòng đời của sản phẩm;
- Giảm thải bỏ và tăng tái chế;
- Thiết kế vì Môi trường;
- Tạo ra các cơ hội kinh tế.

Các loại trách nhiệm trong EPR



Model for Extended Producer Responsibility (Lindhqvist, T. 1992)

Các loại trách nhiệm trong EPR

Trách nhiệm pháp lý

- đề cập đến trách nhiệm đối với những thiệt hại về môi trường đã được chứng minh do sản phẩm đang đề cập gây ra. Mức độ nghĩa vụ pháp lý được xác định bởi luật pháp và có thể bao gồm các giai đoạn khác nhau trong vòng đời của sản phẩm, bao gồm cả việc sử dụng và thải bỏ cuối cùng.

Trách nhiệm tài chính

- là việc nhà sản xuất sẽ chi trả toàn bộ hoặc một phần chi phí cho việc thu gom, tái chế hoặc thải bỏ sản phẩm mà họ đang sản xuất. Những chi phí này có thể do nhà sản xuất trực tiếp thanh toán hoặc thông qua một khoản phí đặc biệt.

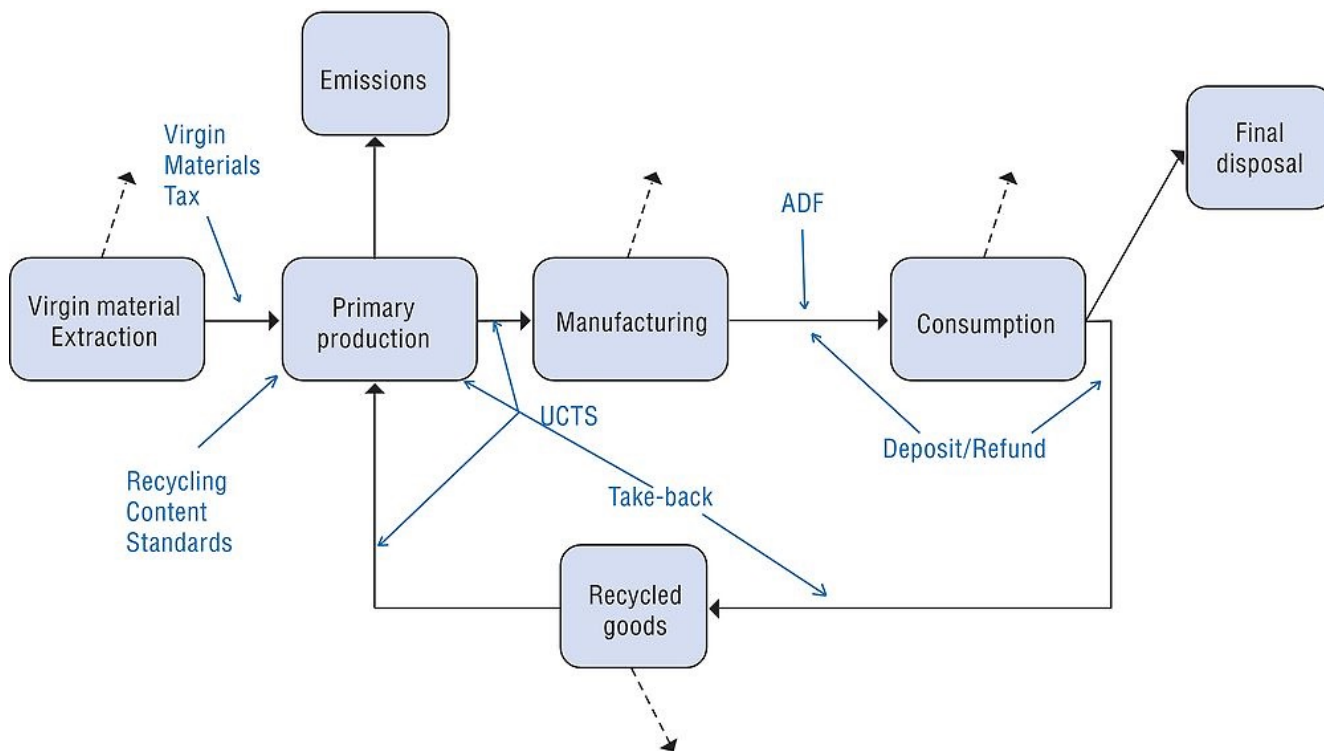
Trách nhiệm vật chất

- là việc nhà sản xuất tham gia vào việc quản lý vật chất các sản phẩm và tác động của chúng trên thực tế. Nhà sản xuất có thể giữ lại *quyền sở hữu* các sản phẩm của mình trong suốt vòng đời sản phẩm và do đó liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường của sản phẩm.

Trách nhiệm thông tin

- là việc yêu cầu nhà sản xuất cung cấp thông tin về các đặc tính môi trường của sản phẩm mà họ đang sản xuất.

EPR thường là tổ hợp nhiều công cụ chính sách



Note: ADF > Advance disposal fee; UCTS > Upstream combination tax/subsidy

Source: OECD (2013), *What have we learned about extended producer responsibility in the past decade? – A survey of the recent EPR economic literature*, Paris

Source: OECD (2016), *Extended Producer Responsibility - updated guidance for efficient waste management*, OECD Publishing, Paris.

» *Yêu cầu thu hồi sản phẩm thải bỏ (với mục tiêu cụ thể)*

» *Các công cụ kinh tế và dựa trên thị trường (khuyến khích tài chính):*

- Đặt cọc – hoàn trả;
- Phí thải bỏ trả trước;
- Thuế nguyên liệu (nguyên liệu nguyên sinh hoặc nguyên liệu khó tái chế, chứa các đặc tính độc hại,...);
- Thuế thu từ NSX kết hợp trợ cấp cho người tái chế (UCTS)

» *Quy định và tiêu chuẩn thực hiện:*

- Hàm lượng tái chế tối thiểu;
- Thiết kế vì Môi trường

» *Các công cụ Thông tin*

- Yêu cầu báo cáo;
- Dán nhãn sản phẩm và thành phần (như nhãn sinh thái);
- Truyền thông cho người tiêu dùng về trách nhiệm của nhà sản xuất và việc phân loại rác,
- Thông báo cho người tái chế về nguyên liệu được sử dụng trong sản phẩm

Thực hiện EPR như thế nào?

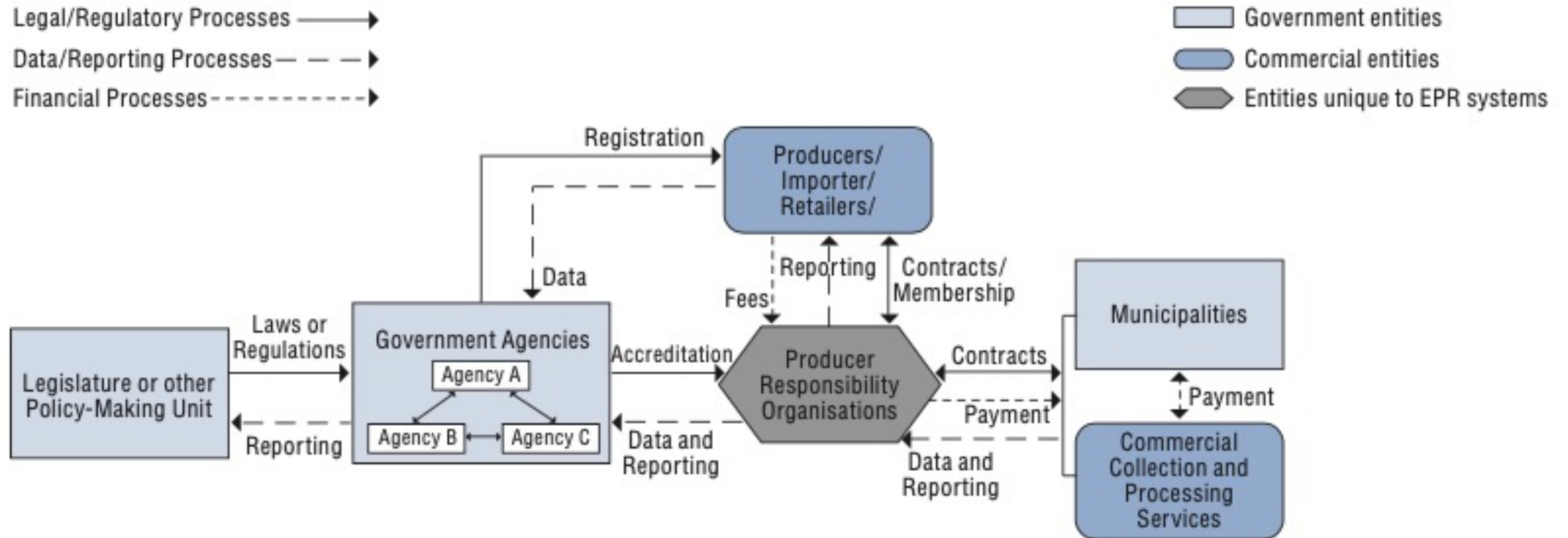
- » Hệ thống EPR cho phép nhà sản xuất *thực hiện trách nhiệm của mình* hoặc bằng cách cung cấp *các nguồn tài chính* cần thiết và/ hoặc bắt đầu tiếp quản *một số khía cạnh vận hành trong quy trình quản lý chất thải rắn* từ các đô thị. Trách nhiệm có thể là *tự nguyện hoặc bắt buộc*; Hệ thống EPR có thể được thực hiện *riêng lẻ hoặc theo nhóm/ tập thể*.
- » **Hầu hết các hệ thống EPR được tổ chức thực hiện theo hình thức tập thể thay vì riêng lẻ.** Theo một nghiên cứu gần đây của Ủy ban Châu Âu thì các hệ thống trách nhiệm được thực hiện theo hình thức riêng lẻ được thiết lập đối với một số dòng chất thải, đặc biệt là khi thị trường sản phẩm đó tập trung và sẵn sàng để các nhà sản xuất có thể vận hành một hệ thống thu hồi (ví dụ: các nhà sản xuất ô tô của Đức). Tuy nhiên, trong phần lớn các trường hợp, các nhà sản xuất đã thiết lập các **hệ thống trách nhiệm thực hiện theo hình thức tập thể do các Tổ chức Trách nhiệm của Nhà sản xuất (PROs) quản lý**
- » Tuy rất đa dạng nhưng việc tổ chức các hệ thống EPR trên toàn thế giới có xu hướng tuân theo một số cách tiếp cận: (i) duy nhất một PRO, (ii) nhiều PRO cạnh tranh với nhau; (iii) Tín chỉ (tái chế/ xuất khẩu chất thải) có thể giao dịch, và (iv) do Chính phủ vận hành.



Source: Bünemann & Brinkmann (2019)

Single-PRO systems

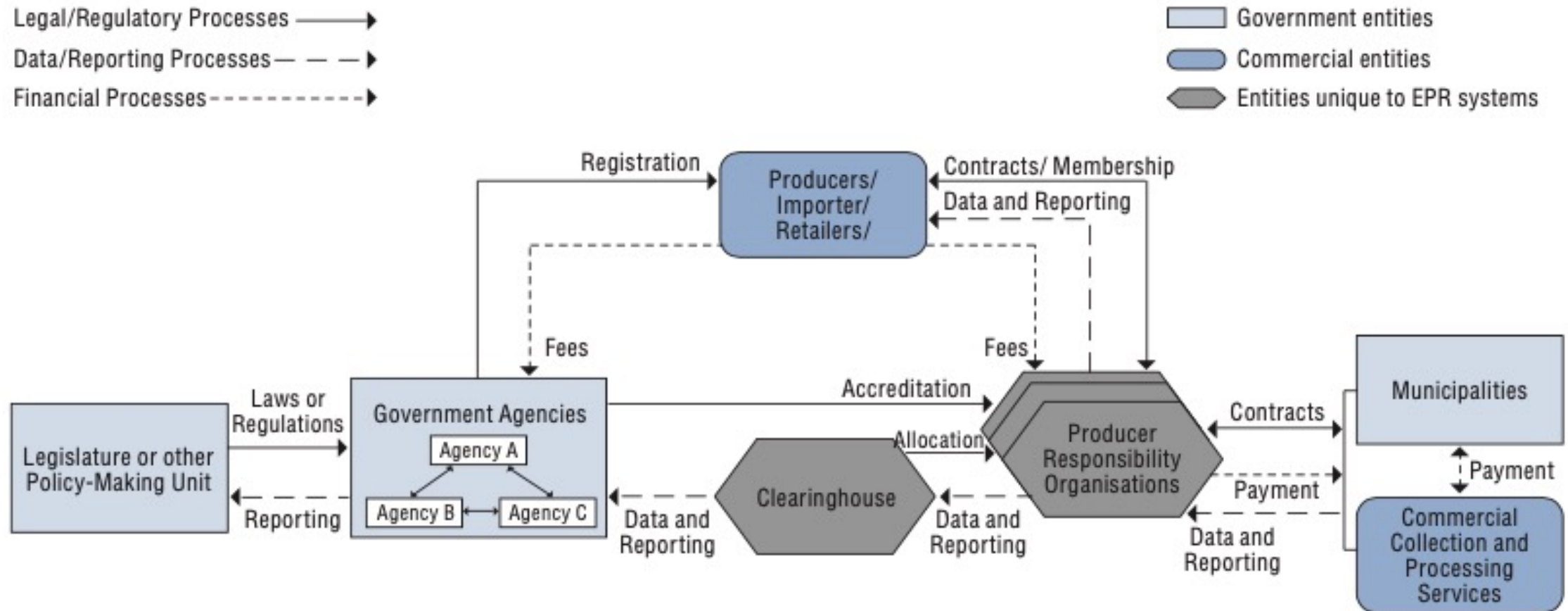
Figure 3.2. **One PRO with commercial and/or municipal collection and processing services**



Note: Material flows are not included for simplicity. The relationships related to individual producer responsibility (IPR) or end user industries are not shown. Municipalities may pay commercial providers for services and/or be paid for recyclables depending on the arrangements in the EPR system. Registration can be viewed as something the governments perform (i.e. they “register the producers”) or something the done by producers (i.e. the producers register with the government). The depiction of the directionality is thus somewhat arbitrary.

Multiple PROs system

Figure 3.3. Multiple PROs with clearinghouse and commercial and/or municipal collection and processing services

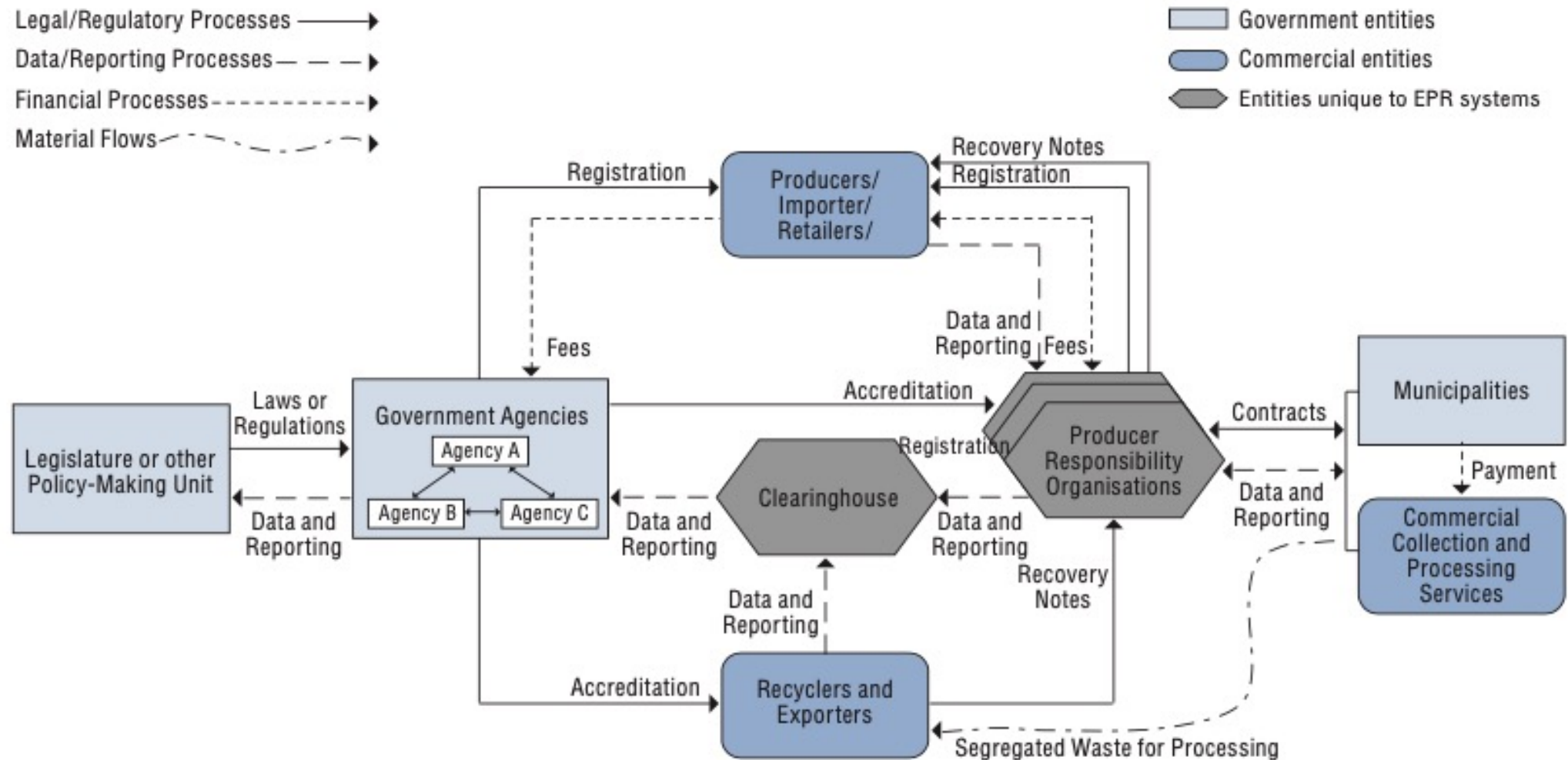


Note: Material flows are not included for simplicity. The relationships related to individual producer responsibility (IPR) or end user industries are not shown. Municipalities may pay commercial providers for services and/or be paid for recyclables depending on the arrangements in the EPR system. Registration can be viewed as something the governments perform (i.e. they “register the producers”) or something the done by producers (i.e. the producers register with the government). The depiction of the directionality is thus somewhat arbitrary. PROs may be non-profit or for-profit.

Tradable credit systems

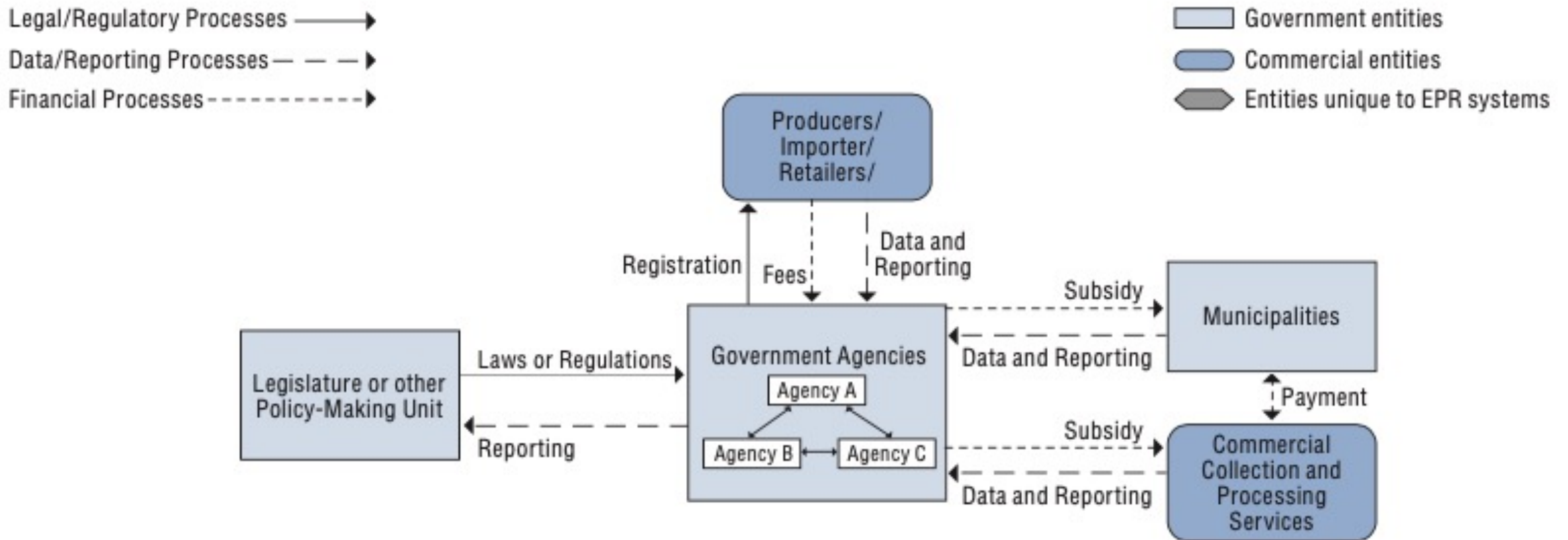
Note: For simplicity, most material flows are not shown nor are export recovery notes. Municipalities play a limited role in sending waste to recyclers within EPR systems. Municipalities may pay commercial service providers for collection. Registration can be viewed as something the PROs perform (i.e. they “register the producers”) or something the done by producers (i.e. the producers register with the PROs). The depiction of the directionality is thus somewhat arbitrary. PROs may be non-profit or for-profit.

Figure 3.4. Governance structure for tradable credits system



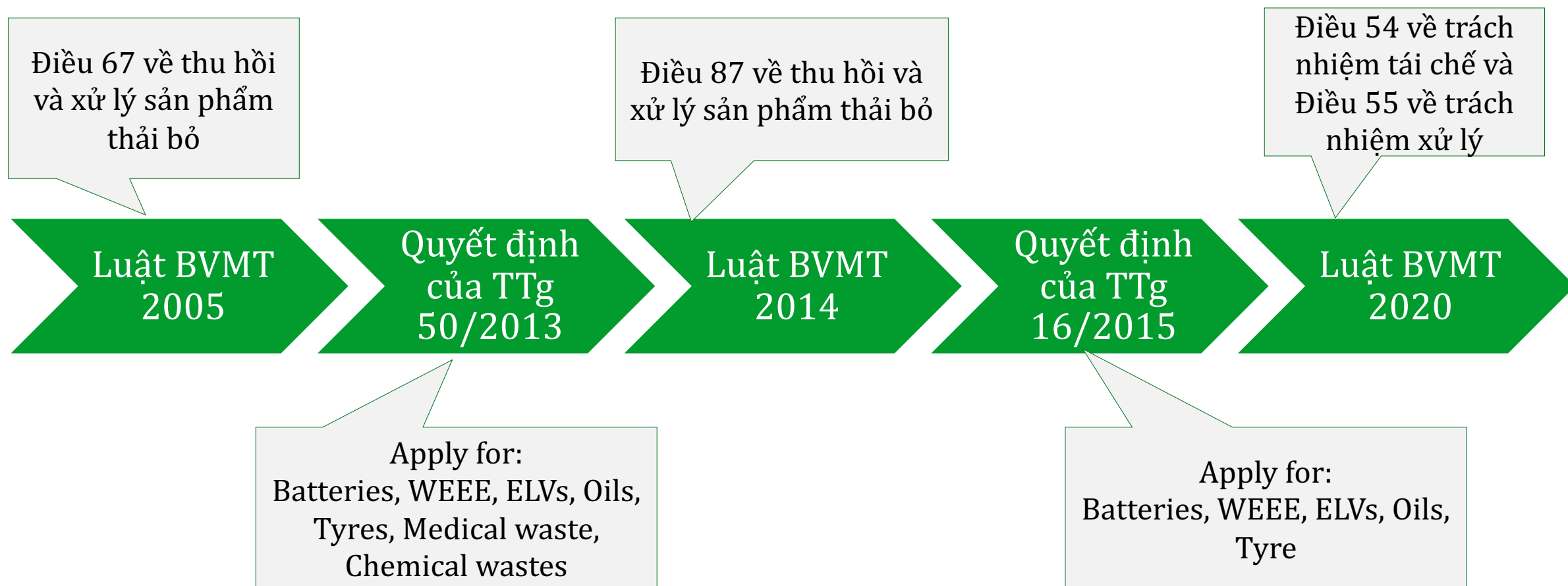
Government-run EPR system

Figure 3.5. **Government-run EPR system**



Note: Material flows are not included for simplicity. Municipalities may pay commercial providers for services and/or be paid for recyclables depending on the arrangements in the EPR system. Registration can be viewed as something the governments perform (i.e. they “register the producers”) or something the done by producers (i.e. the producers register with the government). The depiction of the directionality is thus somewhat arbitrary.

Lịch sử 15 năm phát triển EPR ở Việt Nam



Danh mục sản phẩm thải bỏ và thời điểm thu hồi, xử lý (đang áp dụng)



STT

I ẮC QUY VÀ PIN

1 Ắc quy các loại

1/7/16

2 Pin các loại

1/7/16

II THIẾT BỊ ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

1 Bóng đèn compact; bóng đèn huỳnh quang

1/7/16



Máy vi tính (để bàn; xách tay); màn hình máy vi tính; cục CPU (bộ vi xử lý của máy tính)

1/7/16

3 Máy in; máy fax; máy quét hình (scanner)

1/7/16

4 Máy chụp ảnh; máy quay phim

1/7/16

5 Máy điện thoại di động; máy tính bảng

1/7/16



6 Đầu đĩa DVD; VCD; CD và các loại đầu đọc băng, đĩa khác

1/7/16

7 Máy sao chụp giấy (photocopier)

1/7/16

8 Tivi; tủ lạnh

1/7/16

9 Máy điều hòa nhiệt độ; máy giặt

1/7/16

III DẦU NHỚT CÁC LOẠI

1/7/16



IV SẼM, LỖP

1 Sẻm các loại

1/7/16

2 Lốp các loại

1/7/16



V PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

1 Xe mô tô, xe gắn máy các loại

1/1/18

2 Xe ô tô các loại

1/1/18

Một số nhận định về việc thực hiện EPR ở Việt Nam hiện tại

Bắt buộc thực hiện EPR nhưng thiếu mục tiêu tái chế bắt buộc:

- **Nhà sản xuất chuyển giao trách nhiệm tài chính và vật chất của họ cho khách hàng** bằng cách duy trì ít điểm thu gom và khách hàng phải tự chi trả chi phí cho việc vận chuyển sản phẩm thải bỏ đến điểm thu gom quy định, yêu cầu liên hệ trước,...
- Thông tin cho công chúng về EPR và cách thức hoạt động của hệ thống EPR là rất hạn chế;
- Thiếu động lực cho các hành động tập thể hoặc thiết lập các PRO để thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất theo EPR.
- Không có đóng góp cho sự phát triển ngành tái chế ở Việt Nam;

Hạn chế hiểu biết về EPR một cách thấu đáo khi giới thiệu về EPR cũng như chuẩn bị sẵn sàng cho việc thực hiện EPR ở Việt Nam

Hệ quả:

- Suy giảm niềm tin vào EPR như một công cụ chính sách khả thi đã được chứng minh trong quản lý chất thải rắn ở cả chính quyền và người tiêu dùng;
- Làm phức tạp các bên liên quan tham gia vào việc quản lý chất thải rắn (như khu vực phi chính thức) và trở thành thách thức việc giới thiệu và thực hiện EPR mới.

Trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020

Trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (Điều 54)

1. Các sản phẩm điện – điện tử
 2. Ấc quy và pin các loại
 3. Dầu, nhớt các loại
 4. Săm, lốp các loại
 5. Phương tiện giao thông và máy móc công trình
 6. Bao bì các loại
- (Phụ lục 52 Dự thảo Nghị định)*

Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (Điều 55)

1. Bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, diệt côn trùng, hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy các loại
 2. Tã lót, bỉm, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần
 3. Kẹo cao su
 4. Thuốc lá
 5. Sản phẩm, bao bì sử dụng nhựa như một thành phần nguyên liệu
- (Phụ lục 58 Dự thảo Nghị định)*

Hệ thống EPR

Hệ thống trách nhiệm tái chế (Điều 54): 04 lựa chọn

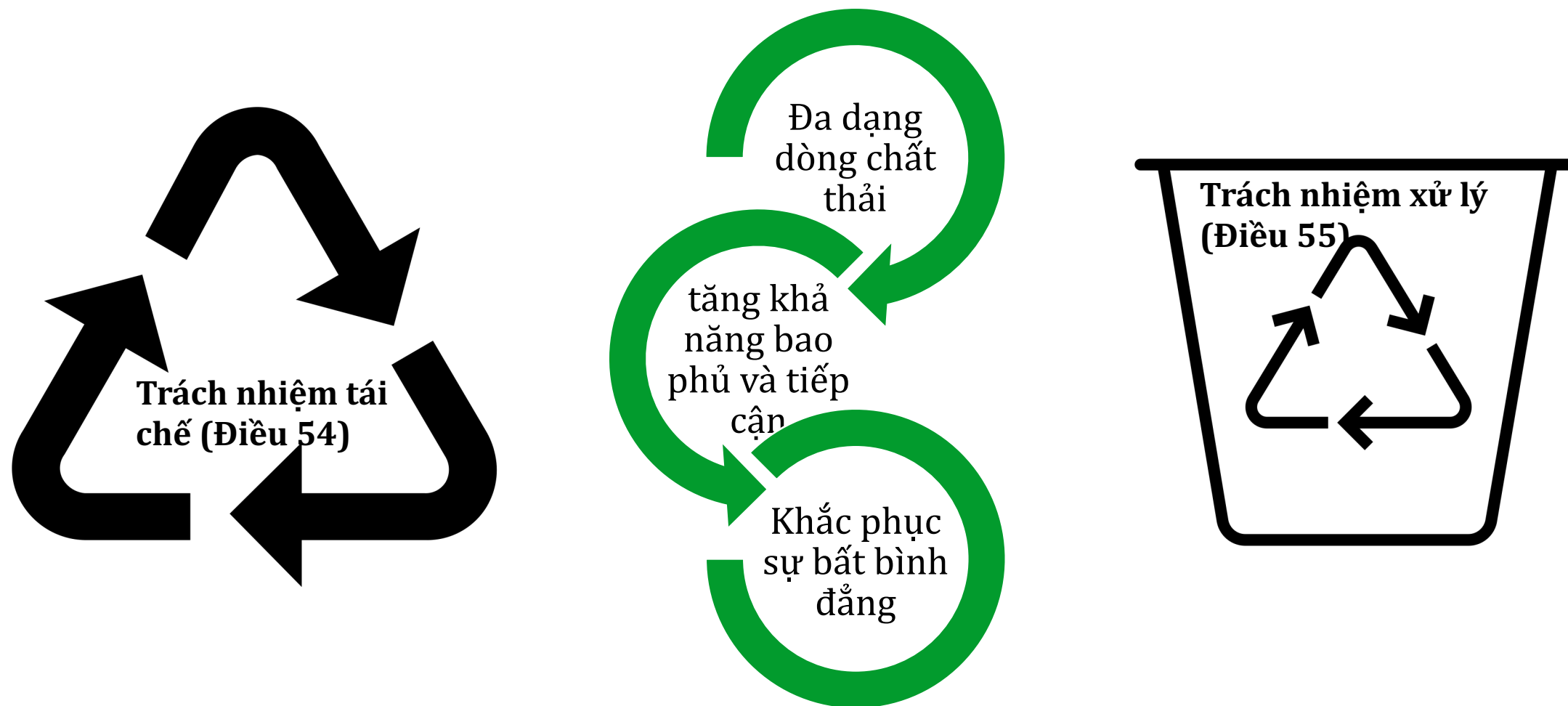
- Tự tổ chức;
- Hợp đồng cá nhân với các đơn vị cung cấp dịch vụ;
- Ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện nghĩa vụ (như Tổ chức thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất Producer Responsibility Organization – PRO);
- Đóng góp tài chính cho VEPF.

Hệ thống trách nhiệm xử lý (Điều 55): 01 lựa chọn

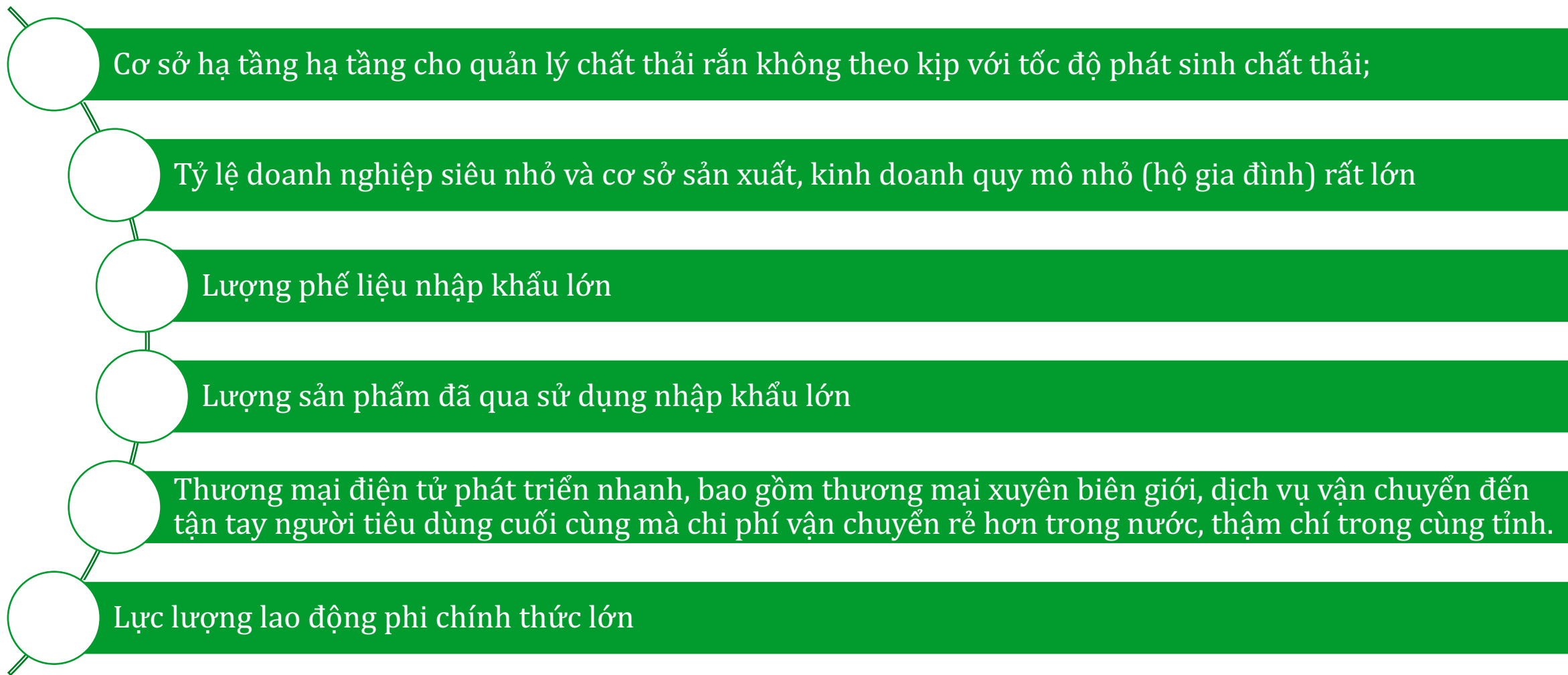
- Đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF).

Dựa trên Khối lượng và Đơn vị

Tính bổ trợ của Điều 54 và Điều 55



Thách thức cho Việt Nam trong xây dựng EPR

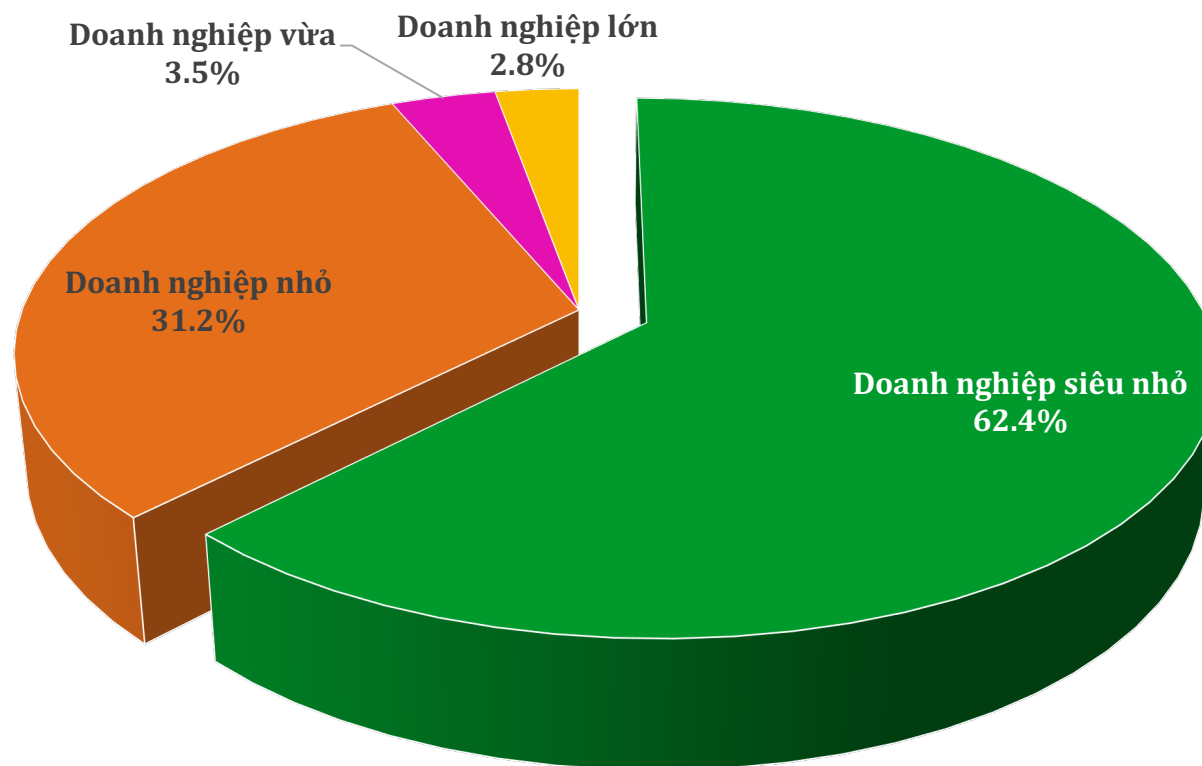


Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP năm 2018 của Chính phủ

Lĩnh vực	Tiêu chí xác định: Theo lao động và doanh thu HOẶC Theo lao động và vốn								
	Doanh nghiệp siêu nhỏ			Doanh nghiệp nhỏ			Doanh nghiệp vừa		
	Số lao động (Người)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (Tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (Tỷ đồng)	Số lao động (Người)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Nguồn vốn (Tỷ đồng)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	≤ 3	≤ 3	≤ 100	≤ 50	≤ 20	≤ 200	≤ 200	≤ 100
Thương mại và dịch vụ	≤ 10	≤ 10	≤ 3	≤ 50	≤ 100	≤ 50	≤ 100	≤ 300	≤ 100
Lưu ý:	Số lao động là số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm.								

Cơ cấu theo phân loại quy mô doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2018

Cơ cấu DN theo phân loại quy mô doanh nghiệp tính đến ngày 31/12/2018



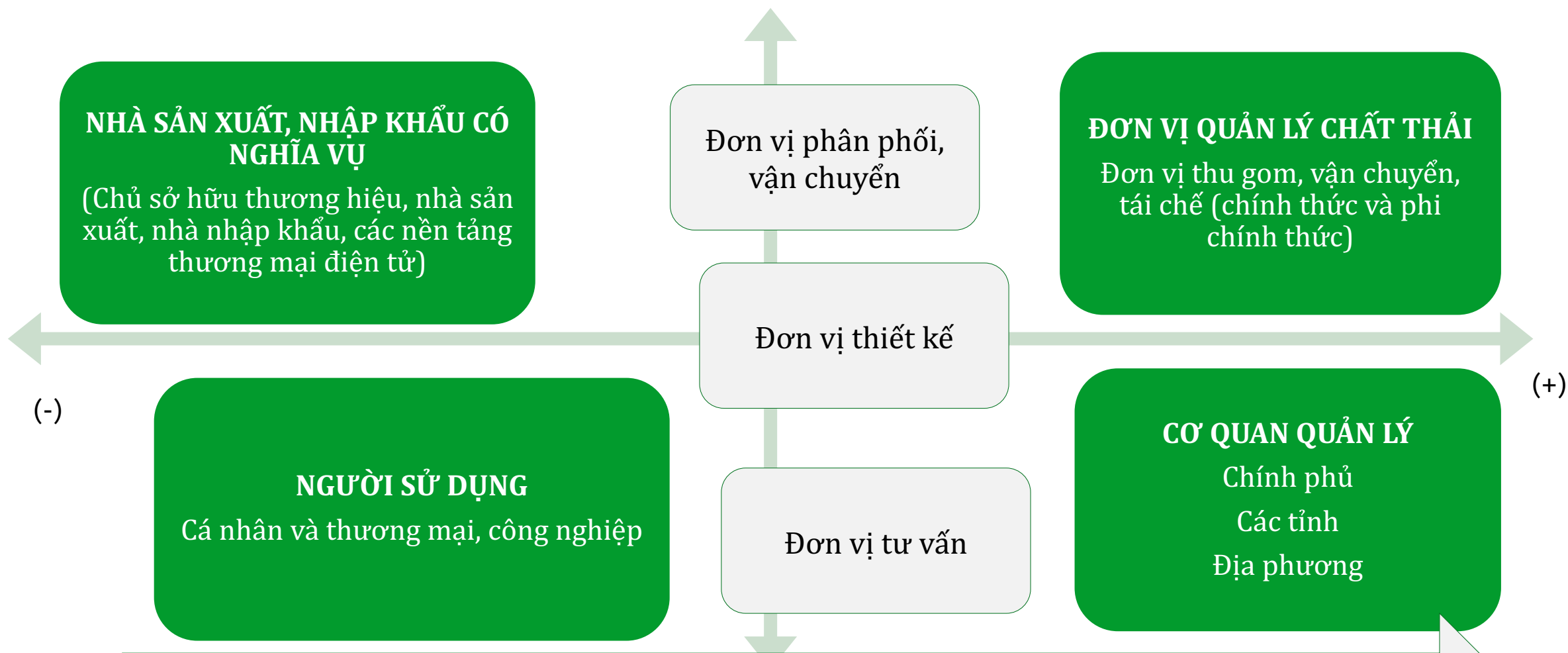
Con số này chưa tính tới khoảng hơn **5,14 triệu** cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (còn gọi là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hay **hộ kinh doanh**) – gấp hơn 8 lần số lượng doanh nghiệp – cũng tham gia vào nền kinh tế.

Trong đó, **chỉ 25,9%** (1,326 triệu hộ) cơ sở **có đăng ký kinh doanh** (ĐKKD) và còn lại các cơ sở chưa có ĐKKD (khoảng 3,774 triệu hộ) và chủ yếu hoạt động ở **khv vực dịch vụ chiếm tới 76,7%** tổng số cơ sở hộ;

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018). *Kết quả tổng điều tra kinh tế năm 2017.*

Nguồn: Theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2020 (tính trong tổng số 610.637 doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước tính đến thời điểm ngày 31/12/2018)

Các bên liên quan chính trong hệ thống EPR



EPR có tác động cả tích cực và tiêu cực đối với hộ kinh doanh, Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

Ai là nhà sản xuất trong EPR?

- » Nguyên tắc hàng đầu là tìm ra các bên liên quan có **khả năng ảnh hưởng hiệu quả đến sự thay đổi theo hướng cải tiến sản phẩm và hệ thống sản phẩm**. Nhà sản xuất được định nghĩa là **người có quyền kiểm soát cao nhất** đối với việc lựa chọn vật liệu và thiết kế của sản phẩm.
- » Do đó, nhà sản xuất thường được xác định là **chủ sở hữu thương hiệu, các nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu, hoặc người sử dụng bao bì để đóng gói** thay cho chính công ty sản xuất bao bì.
- » Trong một số trường hợp, các **nhà bán lẻ** cũng có thể có nghĩa vụ, chẳng hạn như chịu trách nhiệm **đóng gói thứ cấp**.
- » Trong thời kỳ bùng nổ của thương mại điện tử, **các nền tảng thương mại trực tuyến có nhiều bên bán hàng** (multi-seller online platforms) có **vận hành trung tâm hoàn thiện đơn hàng** (fulfilment house) và **các công ty chuyển phát bưu kiện** (đơn vị giao hàng và dịch vụ bưu chính) cũng được coi là nhà sản xuất. .



Một số nội dung cần cân nhắc

- » Cần xác định rõ hơn nhà sản xuất, nhập khẩu có nghĩa vụ để đảm bảo người có quyền quyết định cao nhất mới có tác động cả đến thượng nguồn và hạ nguồn của chuỗi sản xuất.
- » Cần phân loại bao bì, đặc biệt là đối với bao bì dịch vụ - loại bao bì không chứa hàng hóa và chỉ được dùng để chuyển giao hàng hoá cho người tiêu dùng cuối cùng (thường là túi nylon hoặc thùng carton để đóng hàng hoá). Ở Đức, nhà sản xuất hoặc nhà bán buôn bao bì dịch vụ sẽ là người có nghĩa vụ. Đây là ngoại lệ áp dụng thay cho nguyên tắc người sử dụng bao bì để đóng gói hàng hoá của mình như thông thường, giúp giải quyết vấn đề của việc nhiều người sử dụng nhưng lượng sử dụng ít dẫn đến tổng lượng chất thải vẫn nhiều. Ví dụ như như túi đựng bánh mì, giấy gói thịt, khay đựng khoai tây rán, cốc cà phê mang đi hoặc túi đựng rau củ quả.
- » Việc xác định bao bì theo nghĩa hẹp quá sẽ dẫn đến giảm hiệu quả của chính sách EPR, nhất là việc giảm áp lực cho các bãi chôn lấp do các bao bì có giá trị và thuận tiện cho thu gom hiện đang được thu gom rất hiệu quả bởi hệ thống thu gom phi chính thức. Điều này còn dẫn đến tiềm ẩn xung đột liên quan đến việc thu gom nguồn chất thải bao bì có giá trị này. Trong khi đó, chất thải có thể tái chế nhưng giá trị thấp vẫn tiếp tục tạo áp lực cho các bãi chôn lấp. Ví dụ, chất thải nhựa như các chai PET đựng nước được thu gom tới hơn 90% trong khi đó, chất thải nhựa không được thu gom và tích lũy trong các bãi chôn lấp hiện nay chiếm số lượng nhiều nhất là túi nylon và các loại bao bì nhỏ (sachet) như vỏ bánh kẹo, mì tôm,...;
- » Các Doanh nghiệp lớn nên dành chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để có thể thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, tránh họ trở thành free-riders trong tương lai.

Đề xuất thứ tự xác định nhà sản xuất, nhập khẩu các bao bì trong Điều 54

- » Đơn vị sử dụng bao bì để đóng gói sản phẩm dưới nhãn hiệu và tên gọi của mình để đưa sản phẩm ra thị trường và thải bỏ tại Việt Nam nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
 - Sử dụng từ X kg/ năm bao bì các loại;
- » Nhà nhập khẩu bao bì đưa bao bì đầu tiên vào lãnh thổ Việt Nam;
- » Cơ sở phân phối (bán buôn, bán lẻ) sử dụng bao bì để đóng gói khi bán hàng nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
 - Diện tích điểm bán hàng từ Y m² trở lên (bao gồm cả nhà kho);
 - Chuỗi phân phối có từ Z điểm bán hàng trở lên (bao gồm cả các điểm bán hàng được nhượng quyền thương mại);
- » Các nền tảng thương mại trực tuyến có nhiều bên bán hàng (multi-seller online platforms) sử dụng bao bì để đóng gói hàng hoá trong trung tâm hoàn thiện đơn hàng (fulfilment house) của mình;
- » Đơn vị chuyển phát bưu kiện (đơn vị giao hàng và dịch vụ bưu chính) sử dụng bao bì để đóng gói hàng hoá cho khách hàng khi vận chuyển;
- » Đơn vị sản xuất bao bì (đối với phần còn lại sau khi đã trừ các trường hợp nêu trên).



Phụ lục Danh mục sản phẩm, bao bì áp dụng Điều 54 và Điều 55 trong Dự thảo

Phụ lục 52: Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

Phân nhóm sản phẩm	Danh mục sản phẩm	Quy mô		Thời điểm thực hiện
(2)	(3)	Doanh thu	Khối lượng/ số lượng	(7)
		(4)	(5)	
A. CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN - ĐIỆN TỬ				
A.1. Bóng đèn	A.1.1. Bóng đèn compact các loại		Tất cả	1/1/24
	A.1.2. Bóng đèn huỳnh quang các loại		Tất cả	1/1/24
A.2. Máy tính	A.2.1. Máy tính để bàn các loại (gồm cả máy chủ)		Tất cả	1/1/24
	A.2.2. Máy tính xách tay (các loại)		Tất cả	1/1/24
A.3. Thiết bị thông tin	A.3.1. Điện thoại di động các loại		Tất cả	1/1/24
	A.3.2. Máy tính bảng các loại		Tất cả	1/1/24
A.4. Thiết bị nghe nhìn	A.4.1. Máy ảnh, máy quay phim		Tất cả	1/1/24
A.5. Thiết bị điện tử gia dụng lớn	A.5.1. Ti vi		Tất cả	1/1/24
	A.5.2. Tủ lạnh, tủ đông		Tất cả	1/1/24
	A.5.3. Điều hòa không khí cố định, di động		Tất cả	1/1/24
	A.5.4. Máy giặt		Tất cả	1/1/24
	A.5.6. Máy rửa bát		Tất cả	1/1/24
	A.6.4. Lò nướng, lò vi sóng		Tất cả	1/1/24
	A.6.5. Bếp điện từ, bếp hồng ngoại		Tất cả	1/1/24
A.7. Tấm quang năng	A.7.1. Tấm quang năng các loại		Tất cả	1/1/24

Phụ lục 52: Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

Phân nhóm sản phẩm	Danh mục sản phẩm	Quy mô		Thời điểm thực hiện
(2)	(3)	Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)	(7)
B. ẮC QUY VÀ PIN CÁC LOẠI				
B.1. Ắc quy	B.1.1. Ắc quy chì các loại		Tất cả	1/1/24
	B.1.2. Ắc quy kiềm các loại		Tất cả	1/1/24
B.2. Pin	B.2.1. Pin lớn các loại (Li, NiMH, v.v.) sử dụng cho phương tiện giao thông, lưu giữ điện năng, v.v.		Tất cả	1/1/24
	B.2.2. Pin trung các loại, sử dụng cho các thiết bị điện – điện tử khác		Tất cả	1/1/24
C. DẦU, NHỚT CÁC LOẠI				
C.1. Dầu nhớt các loại	C.1.1 Dầu máy các loại		Tất cả	1/1/23
	C.1.2. Nhớt các loại		Tất cả	1/1/23
D. SẮM, LỚP CÁC LOẠI				
D.1. Săm	D.1.1. Săm các loại		Tất cả	1/1/23
D.2. Lớp	D.1.2. Lớp các loại		Tất cả	1/1/23

Phụ lục 52: Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

Phân nhóm sản phẩm	Danh mục sản phẩm	Quy mô		Thời điểm thực hiện
(2)	(3)	Doanh thu	Khối lượng/ số lượng	(7)
		(4)	(5)	
E. PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VÀ MÁY MÓC CÔNG TRÌNH				
E.1. Xe hai bánh	E.1.1 Xe máy	Tất cả		1/1/25
	E.1.2. Xe máy điện, xe đạp điện	Tất cả		1/1/25
E2. Xe ô tô các loại	E.2.1. Xe ô tô gia dụng	Tất cả		1/1/25
	E.2.2. Xe chở khách	Tất cả		1/1/25
	E.2.3. Xe tải các loại	Tất cả		1/1/25
E.3. Máy công trình xây dựng, giao thông	E.3.1. Máy công trình các loại	Tất cả		1/1/25
	E.3.2. Xe công trình các loại	Tất cả		1/1/25

Phụ lục 52: Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

Phân nhóm sản phẩm	Danh mục sản phẩm	Quy mô		Thời điểm thực hiện
(2)	(3)	Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)	(7)
G. BAO BÌ CÁC LOẠI				
G.1. Thực phẩm và đồ uống	G.1.1. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml.	Tất cả		1/1/23
	G.1.2. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml.	Tất cả		1/1/23
	G.1.3. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng nhựa tổng hợp có dung tích trên 300 ml.	Tất cả		1/1/23
	G.1.4. Thực phẩm và đồ uống chứa trong chai thủy tinh có dung tích trên 300 ml.	Tất cả		1/1/23
G.2. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm	G.2.1. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml	Tất cả		1/1/23
	G.2.2. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm sử dụng vật liệu chứa bằng nhựa tổng hợp có dung tích trên 100 ml	Tất cả		1/1/23
	G.2.3. Chất tẩy rửa, mỹ phẩm, dầu gội và nước xả, dược phẩm và dược mỹ phẩm chứa trong chai thủy tinh có dung tích trên 100 ml	Tất cả		1/1/23

Phân nhóm sản phẩm	Danh mục sản phẩm	Quy mô		Thời điểm thực hiện
(2)	(3)	Doanh thu (4)	Khối lượng/ số lượng (5)	(7)
G. BAO BÌ CÁC LOẠI				
G.3. Các sản phẩm khác có sử dụng bao bì	G.3.1. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng giấy có dung tích trên 500 ml	Các nhà sản xuất có tổng doanh thu từ sản phẩm có sử dụng bao bì của năm từ 100 tỷ VNĐ trở lên hoặc các nhà nhập khẩu có tổng giá trị nhập khẩu của sản phẩm từ sản phẩm có sử dụng bao bì trong năm từ 50 tỷ VNĐ trở lên	Các nhà sản xuất với lượng tiêu thụ hàng năm từ 50 tấn từ sản phẩm có sử dụng bao bì trở lên hoặc các nhà nhập khẩu với lượng nhập khẩu hàng năm từ 25 tấn sản phẩm có sử dụng bao bì trở lên trong năm trước.	1/1/23
	G.3.2. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng nhựa có dung tích trên 500 ml			1/1/23
	G.3.3. Các sản phẩm khác sử dụng thùng, hộp, vỏ chứa bằng kim loại có dung tích trên 500 ml			1/1/23
G.4. Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa	G.4.1. Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa bằng nhựa (chai, lọ, bình, hộp, hòm, thùng) có dung tích trên 500 ml			1/1/23

Phụ lục 58. Danh mục sản phẩm, bao bì kèm theo mức đóng góp và thời điểm thực hiện trách nhiệm hỗ trợ xử lý chất thải

TT	Loại sản phẩm	Quy mô sản xuất hoặc doanh thu từ sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất phải đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải	Thời điểm thực hiện
-1	-2	-3	-7
1	Bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật, diệt côn trùng, hóa chất khử trùng, hóa chất tẩy các loại	Tổng doanh thu hằng năm từ 15 tỷ đồng trở lên; Hoặc Tổng lượng nhập khẩu hằng năm từ 10 tỷ đồng trở lên; Hoặc Sử dụng từ 10.000 kg nhựa trở lên để làm nguyên liệu để sản xuất sản	1/1/23
2	Tã lót, bỉm, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần		1/1/23
3	Kẹo cao su		1/1/23
4	Thuốc lá		1/1/23
5	Sản phẩm, bao bì sử dụng nhựa như một thành phần nguyên liệu		
5.1	Dao, kéo, thìa, đĩa, đũa, cốc, hộp đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần		1/1/23
5.2	Ống hút, bóng bay		
5.3.	Sản phẩm may mặc		
5.4	Sản phẩm da, túi, giày, dép		
5.5	Đồ chơi trẻ em		
5.6	Sản phẩm đồ nội thất		
6.7	Sản phẩm nhựa dùng trong xây dựng		1/1/23



If you wish to reach the highest, begin at the lowest!
- Publilius Syrus -

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN



Nguyễn Hoàng Phương



Policy and Legislative Chief Consultant



Phuong@e-policy.org



e-policy.org